

HƯỚNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ GIA BÌNH TẠI THÔN PHÚ TRÊN CŨ, XÃ LƯƠNG TÀI (ĐỢT 10)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Lương Tài)

STT	Họ và tên Chủ sở dụng đất	Vị/chúng/Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan	Số định danh cá nhân	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số liệu trên bản đồ địa chính									Nguồn gốc đất thu hồi	Số Serial GCN	Diện tích bồi thường, hỗ trợ (m ²)		Bồi thường về đất (Đất nông nghiệp trồng lúa, đơn giá bồi thường 90.000 đ/m ²)	Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp công ích (Hàng 100% giá đất nông nghiệp)	Bồi thường tài sản trên đất					Hỗ trợ ổn định đời sống (Đơn giá hỗ trợ 15.000 đ/m ²)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất 450.000 đồng/m ²)	Tổng số tiền hỗ trợ gia đình, cá nhân được nhận (đồng)	Tổng số tiền hỗ trợ gia đình, cá nhân được nhận (đồng)		
						Địa chỉ thửa đất (vở sổ)	Từ bản đồ cũ	Từ bản đồ mới	Số thửa	Diện tích (m ²)	Diện tích thu hồi trong chủ giới (m ²)	Diện tích thu hồi ngoài chủ giới (thực hiện dự án DXT) (m ²)	Tổng diện tích thu hồi thực hiện dự án (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)			Loại đất	Đất nông nghiệp giao dịch lâu dài (m ²)			Đất nông nghiệp công ích (m ²)	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá 9.000 đồng/m ²					Thành tiền (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		21	22	23	24	25	26	27	28	29	
Tổng:										9.008,9	7.145,1	49,0	7.194,1	-	-	-	-	895,0	6.299,1	80.550.000,0	81.882.000,0	-	-	-	1.804,8	-	16.243.200,0	13.425.000,0	402.750.000,0	594.850.200,0	594.850.200,0
1	Nguyễn Huy Đan đã chết	vợ là Vũ Thị Nga, con là Nguyễn Huy Dũng	027156000924	Phú Trên	Phú Trên	Lương Tre	49	159	393	895,0	895,0	0,0	895,0	0,0	LUC	DG-KTT	Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 15/6/2016, STT47	895,0	0,0	80.550.000	-	Cây lúa	m ²	895,0	9.000	8.055.000	13.425.000	402.750.000	504.780.000	504.780.000	
2	Nguyễn Huy Tinh (Hồi)	Nguyễn Huy Chuyên (Tâm)	027069001317	Phú Trên	Phú Trên	Đường Thánh	30	140	323	63,8	63,8	0,0	63,8	0,0	LUC	Đất NN công ích	Thôn thu sản hàng năm	0,0	63,8	-	5.742.000	Cây lúa	m ²	63,8	9.000	574.200	-	-	6.316.200	6.316.200	
3	Nguyễn Văn Hà	vợ là Nguyễn Thị Thống	027059001160	Phú Trên	Phú Trên	Bãi Mái	31	141	536	102,3	102,3	0,0	102,3	0,0	LUC	Đất NN công ích	Thôn thu sản hàng năm	0,0	102,3	-	9.207.000	Cây lúa	m ²	102,3	9.000	920.700	-	-	10.127.700	20.582.100	
	Nguyễn Văn Hà	vợ là Nguyễn Thị Thống	027059001160	Phú Trên	Phú Trên	Bãi Mái	31	141	503	105,6	56,6	49,0	105,6	0,0	LUC	Đất NN công ích	Thôn thu sản hàng năm	0,0	105,6	-	9.504.000	Cây lúa	m ²	105,6	9.000	950.400	-	-	10.454.400		
4	Phương Thị Khôi		027156000912	Phú Trên	Phú Trên	Bãi Mái	31	141	523	138,1	138,1	0,0	138,1	0,0	LUC	Đất NN công ích	Thôn thu sản hàng năm	0,0	138,1	-	12.429.000	Cây lúa	m ²	138,1	9.000	1.242.900	-	-	13.671.900	13.671.900	
5	Nguyễn Thị Huệ; Trần Thị Vui	chồng là Hồ Thế Lương	027059001164	Phú Trên	Phú Trên	Đường Thánh	30	140	303	500,0	320,0	0,0	320,0	0,0	LUC	Đất NN công ích	Thôn thu sản hàng năm	0,0	320,0	-	28.800.000	Cây lúa	m ²	320,0	9.000	2.880.000	-	-	31.680.000	31.680.000	
6	Nguyễn Huy Thủy		027064001372	Phú Trên	Phú Trên	Đường Thánh					180,0	0,0	180,0	0,0	LUC	Đất NN công ích	Thôn thu sản hàng năm	0,0	180,0	-	16.200.000	Cây lúa	m ²	180,0	9.000	1.620.000	-	-	17.820.000	17.820.000	
7	Hoàng Thị Chiến	chồng là Đoàn Quang Hữu	027071001652	Phú Trên	Phú Trên	Đông Gạch	39	149	64	341,2	341,2	0,0	341,2	0,0	NTS	Đất NN công ích	Không thu sản năm 2025	0,0	341,2	-	-					-	-	-	-	-	
8	Nguyễn Huy Hà	vợ là Nguyễn Thị Bằng	027160001442	Phú Trên	Phú Trên	Lương Tre	39	149	230	159,8	159,8	0,0	159,8	0,0	LUC	Đất NN công ích	Không thu sản năm 2025	0,0	159,8	-	-					-	-	-	-	-	
9	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Đông Vực	75	185	98	536,1	536,1	0,0	536,1	0,0	DRA			0,0	536,1	-	-					-	-	-	-	-	
10	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Vườn Bàu	31	141	401	3.010,5	1.195,7	0,0	1.195,7	0,0	MNC			0,0	1.195,7	-	-					-	-	-	-	-	
11	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Bãi Tre	65	175	36	587,2	587,2	0,0	587,2	0,0	DTL			0,0	587,2	-	-					-	-	-	-	-	
12	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Bãi Tre	65	175	63	170,1	170,1	0,0	170,1	0,0	MNC			0,0	170,1	-	-					-	-	-	-	-	
13	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Bãi Tre	65	175	180	80,3	80,3	0,0	80,3	0,0	NTD			0,0	80,3	-	-					-	-	-	-	-	
14	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Lương Tre	49	159	268	238,2	238,2	0,0	238,2	0,0	DNL			0,0	238,2	-	-					-	-	-	-	-	
15	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Lương Tre	49	159	289	90,9	90,9	0,0	90,9	0,0	NTD			0,0	90,9	-	-					-	-	-	-	-	
14	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Lương Tre	49	159	257	40,2	40,2	0,0	40,2	0,0	NTD			0,0	40,2	-	-					-	-	-	-	-	
15	UBND xã			Phú Trên	Phú Trên	Lương Tre	49	159	361	1.949,6	1.949,6	0,0	1.949,6	0,0	NTD			0,0	1.949,6	-	-					-	-	-	-	-	